



Mối quan hệ của các SDGs

Phát triển bền vững (University of Economics HCMC)



Scan to open on Studeersnel

MỤC LỤC

Khái quát SDG 8 qua các chỉ tiêu cốt lõi.....	1
Mối quan hệ giữa SDG 9 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 11, 12 và 16.....	4
Mối quan hệ giữa SDG 10 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 13, 15, 16 và 17.....	6
Mối quan hệ giữa SDG 1 với SDG 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, 14, 15 và 16.....	8
Mối quan hệ giữa SDG 2 với SDG 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 15.....	10
Mối quan hệ giữa SDG 12 với SDG 3, SDG 11, SDG 14 và SDG 15.....	12
Mối quan hệ giữa SDG 3 với SDG 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15 và 16.....	13
Mối quan hệ giữa SDG 4 với SDG 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 16.....	15
Mối quan hệ giữa SDG 5 với SDG 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15 và 16.....	16
Mối quan hệ giữa SDG 6 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 7, 11, 12, 13, 15, 16 và 17.....	17
Mối quan hệ giữa SDG 11 với SDG 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 15 và 16.....	19
Mối quan hệ giữa SDG 7 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15 và 17.....	20
Mối quan hệ giữa SDG 13 với SDG 7, 10, 11, 12, 14, 16 và 17.....	21
Mối quan hệ giữa SDG 14 với SDG 1, 2, 3, 6, 8, 10, 12, 13 và 17.....	22
Mối quan hệ giữa SDG 15 với SDG 2, 3, 5, 10, 11, 12 và 13.....	23
Mối quan hệ giữa SDG 16 với SDG 3, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 13 và 17.....	24
Mối quan hệ giữa SDG 17 với SDG 3, 10, 11, 12 và 16.....	25

Khái quát SDG 8 qua các chỉ tiêu cốt lõi

SDG 8 hướng tới **tăng trưởng kinh tế bền vững, bao trùm, gắn với việc làm đầy đủ, năng suất và điều kiện lao động tử tế**. Các chỉ tiêu quan trọng của SDG 8 có thể nhóm thành 4 trục chính:

- 1. Tăng trưởng GDP bền vững**
 - Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, đặc biệt ở các nước đang phát triển.
 - Chú trọng chất lượng tăng trưởng, không chỉ quy mô.
- 2. Nâng cao năng suất lao động**
 - Thông qua đa dạng hóa kinh tế, công nghệ, đổi mới và chuyển dịch cơ cấu.
- 3. Việc làm đầy đủ và việc làm tử tế**
 - Giảm thất nghiệp, thiếu việc làm.
 - Bảo đảm điều kiện lao động an toàn, công bằng, có bảo vệ xã hội.
- 4. Tách rời tăng trưởng khỏi suy thoái môi trường**
 - Giảm cường độ sử dụng tài nguyên và tác động môi trường của tăng trưởng.

Chính các trục này tạo ra **mối liên hệ đa chiều** giữa SDG 8 và các SDGs khác.

- SDG 1:

Trước hết, SDG 8 có mối quan hệ trực tiếp với SDG 1 về xóa nghèo. Tăng trưởng kinh tế chỉ thực sự góp phần giảm nghèo khi nó tạo ra việc làm ổn định và có thu nhập đủ sống. Ở nhiều quốc gia đang phát triển, dù GDP tăng nhưng tỷ lệ nghèo vẫn cao do phần lớn lao động làm việc trong khu vực phi chính thức, năng suất thấp và không có bảo vệ xã hội. Ví dụ, trong ngành may mặc hoặc xây dựng, nếu người lao động chỉ được trả công thấp, làm việc thời vụ và không có bảo hiểm, thì tăng trưởng của ngành đó khó giúp họ thoát nghèo bền vững. Vì vậy, SDG 8 hỗ trợ cho SDG 1 không chỉ bằng tăng trưởng, mà bằng **việc làm tử tế và nâng cao năng suất lao động**.

- SDG 2:

SDG 8 liên hệ chặt chẽ với SDG 2 thông qua việc làm và thu nhập trong khu vực nông nghiệp và chuỗi cung ứng lương thực. Tăng trưởng kinh tế chỉ góp phần xóa đói khi nó tạo ra việc làm ổn định cho người sản xuất nông nghiệp và những lao động tham gia chế biến, vận chuyển, phân phối thực phẩm. Nếu nông dân có thu nhập thấp, việc làm bấp bênh và phụ thuộc vào mùa vụ, tình trạng đói nghèo và mất an ninh lương thực vẫn tồn tại dù nền kinh tế tăng trưởng. Ví dụ, phát triển các ngành chế biến nông sản giúp tạo thêm việc làm ngoài nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm và cải thiện thu nhập cho nông dân, qua đó hỗ trợ đồng thời SDG 8 và SDG 2.

- SDG 3:

Bên cạnh đó, SDG 8 cũng gắn bó chặt chẽ với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Điều kiện lao động là một nội dung quan trọng của SDG 8, bao gồm an toàn lao động, giảm tai nạn nghề nghiệp và bảo vệ sức khỏe người lao động. Một lực lượng lao động khỏe mạnh sẽ làm việc hiệu quả hơn, giảm chi phí y tế cho xã hội và góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, nếu tăng trưởng dựa trên việc bóc lột lao động, làm việc quá giờ hoặc môi trường độc hại, thì chi phí sức khỏe trong dài hạn sẽ làm suy yếu nền kinh tế. Ví dụ, các khu công nghiệp không kiểm soát tốt ô nhiễm có thể gây bệnh nghề nghiệp cho công nhân, làm giảm năng suất và tạo gánh nặng cho hệ thống y tế.

- SDG 4:

SDG 8 cũng có mối quan hệ hai chiều với SDG 4 về giáo dục. Một trong những mục tiêu của SDG 8 là nâng cao năng suất lao động, mà điều này không thể đạt được nếu thiếu giáo dục và đào tạo kỹ năng. Giáo dục giúp người lao động tiếp cận công nghệ mới, thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động và chuyển sang các ngành có giá trị gia tăng cao hơn. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế tạo nguồn lực tài chính để nhà nước đầu tư vào giáo dục và đào tạo nghề. Ví dụ, các quốc gia đầu tư mạnh vào giáo dục kỹ thuật và kỹ năng số thường đạt tăng trưởng ổn định hơn trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

- SDG 5:

Một khía cạnh quan trọng khác của SDG 8 là tính bao trùm, qua đó liên hệ chặt chẽ với SDG 5 về bình đẳng giới và SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Nếu phụ nữ, thanh niên hoặc các nhóm yếu thế bị loại khỏi thị trường lao động chính thức, nền kinh tế sẽ không tận dụng được toàn bộ nguồn nhân lực, làm giảm tiềm năng tăng trưởng. Ví dụ, khi phụ nữ không có cơ hội việc làm bình đẳng hoặc chỉ làm các công việc thu nhập thấp, tăng trưởng kinh tế có thể vẫn xảy ra nhưng đi kèm với bất bình đẳng thu nhập ngày càng lớn. Do đó, tăng trưởng theo tinh thần SDG 8 đòi hỏi mở rộng cơ hội việc làm cho mọi nhóm trong xã hội, từ đó hỗ trợ trực tiếp cho SDG 5 và SDG 10.

- SDG 7:

Tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm theo SDG 8 phụ thuộc lớn vào khả năng tiếp cận năng lượng ổn định và giá cả hợp lý. Năng lượng là đầu vào thiết yếu của sản xuất, dịch vụ và công

nghiệp. Khi năng lượng sạch và bền vững được mở rộng, chi phí sản xuất giảm, doanh nghiệp có điều kiện mở rộng hoạt động và tạo thêm việc làm. Đồng thời, phát triển các ngành năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời cũng trực tiếp tạo ra nhiều việc làm mới. Ví dụ, đầu tư vào điện mặt trời không chỉ giúp giảm phát thải mà còn tạo việc làm trong lắp đặt, vận hành và bảo trì, góp phần thực hiện SDG 8 theo hướng bền vững.

- **SDG 9:**

Trong trụ cột kinh tế, SDG 8 có mối liên hệ rất rõ với SDG 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Tăng trưởng kinh tế bền vững cần dựa trên nền tảng hạ tầng hiện đại, công nghiệp hóa và đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động. Ví dụ, đầu tư vào hạ tầng giao thông giúp giảm chi phí logistics, trong khi đổi mới công nghệ giúp doanh nghiệp sản xuất hiệu quả hơn và tạo ra việc làm có giá trị cao. SDG 9 vì vậy được xem là phương tiện quan trọng để đạt được mục tiêu tăng trưởng và việc làm của SDG 8.

- **SDG 10:**

SDG 8 nhấn mạnh tăng trưởng bao trùm, do đó có mối liên hệ trực tiếp với SDG 10. Nếu tăng trưởng kinh tế chỉ tập trung vào một số ngành hoặc nhóm dân cư, bất bình đẳng thu nhập sẽ gia tăng, làm suy yếu tính bền vững của tăng trưởng. Ngược lại, khi cơ hội việc làm được phân bổ công bằng hơn giữa các vùng, giới và nhóm xã hội, tăng trưởng kinh tế sẽ ổn định và lâu dài hơn. Ví dụ, tạo việc làm cho lao động nông thôn và lao động phi chính thức giúp thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn, hỗ trợ cả SDG 8 và SDG 10.

- **SDG 11:**

Quá trình đô thị hóa gắn liền với tăng trưởng kinh tế và việc làm, khiến SDG 8 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 11. Các thành phố là trung tâm tạo việc làm, đổi mới và tăng trưởng, nhưng nếu đô thị hóa diễn ra thiếu kiểm soát, chi phí sinh hoạt cao và điều kiện sống kém có thể làm giảm chất lượng việc làm. Khi thành phố được quy hoạch bền vững, với giao thông công cộng hiệu quả và nhà ở phù hợp, người lao động có thể tiếp cận việc làm tốt hơn và nâng cao năng suất. Ví dụ, phát triển giao thông công cộng giúp người lao động tiết kiệm thời gian di chuyển, cải thiện hiệu quả làm việc và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đô thị

- **SDG 12:**

Tuy nhiên, SDG 8 cũng đặt ra yêu cầu điều chỉnh mô hình tăng trưởng, từ đó liên hệ chặt chẽ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Tăng trưởng kinh tế nếu dựa trên khai thác quá mức tài nguyên và gia tăng chất thải sẽ không thể duy trì trong dài hạn. Ví dụ, một nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhờ khai thác khoáng sản hoặc sản xuất gây ô nhiễm có thể đạt GDP cao trong ngắn hạn nhưng phải đối mặt với suy thoái môi trường và chi phí khắc phục lớn về sau. SDG 12 giúp định hướng lại SDG 8 theo hướng sử dụng tài nguyên hiệu quả và kinh tế tuần hoàn.

- **SDG 13:**

Cuối cùng, mối quan hệ giữa SDG 8 và các SDGs môi trường, đặc biệt là SDG 13 về biến đổi khí hậu, cho thấy rõ các đánh đổi của tăng trưởng. Trong nhiều trường hợp, tăng trưởng kinh tế đi kèm với gia tăng phát thải khí nhà kính, gây áp lực lên khí hậu. Tuy nhiên, nếu tăng trưởng dựa trên năng lượng sạch và công nghệ xanh, hai mục tiêu này có thể hỗ trợ lẫn nhau. Ví dụ, đầu tư vào năng lượng tái tạo không chỉ giúp giảm phát thải mà còn tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần thực hiện SDG 8 theo hướng bền vững.

- **SDG 16:**

Tăng trưởng kinh tế bền vững theo SDG 8 không thể tách rời một môi trường thể chế minh bạch và ổn định, nội dung cốt lõi của SDG 16. Thể chế yếu kém, tham nhũng và pháp luật lao động không được thực thi nghiêm sẽ làm suy giảm niềm tin của doanh nghiệp và người lao động, cản trở đầu tư và tạo việc làm. Ngược lại, quản trị tốt và pháp quyền vững mạnh giúp thị trường lao động vận hành hiệu quả, bảo vệ quyền lợi người lao động và khuyến khích đầu tư dài hạn. Ví dụ, khi luật lao động được thực thi nghiêm minh, doanh nghiệp buộc phải cải thiện điều kiện làm việc, từ đó nâng cao chất lượng việc làm theo SDG 8.

- **SDG 17:**

SDG 8 chịu tác động mạnh từ toàn cầu hóa, thương mại và đầu tư quốc tế, do đó gắn bó chặt chẽ với SDG 17. Hợp tác quốc tế giúp các quốc gia tiếp cận nguồn vốn, công nghệ và thị trường, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Đồng thời, hợp tác giữa nhà nước, doanh nghiệp và xã hội dân sự giúp đảm bảo tăng trưởng đi kèm với trách nhiệm xã hội. Ví dụ, các hiệp định thương mại tự do có thể mở rộng cơ hội xuất khẩu và tạo việc làm, nhưng chỉ phát huy hiệu quả bền vững khi đi kèm với hợp tác về tiêu chuẩn lao động và bảo vệ người lao động.

Mối quan hệ giữa SDG 9 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 11, 12 và 16

SDG 9 tập trung vào phát triển hạ tầng bền vững, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và khuyến khích đổi mới sáng tạo. Đây là mục tiêu mang tính **nền tảng**, bởi hạ tầng và công nghiệp quyết định năng lực sản xuất, khả năng tiếp cận dịch vụ và mức độ phát triển dài hạn của một quốc gia. Chính vì vậy, SDG 9 có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều SDGs khác trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

- **SDG 1:**

Trước hết, SDG 9 có vai trò quan trọng trong việc thực hiện SDG 1 về xóa nghèo. Hạ tầng giao thông, điện, viễn thông và công nghiệp địa phương giúp người nghèo tiếp cận thị trường, việc làm và dịch vụ thiết yếu. Khi hạ tầng kém phát triển, người nghèo thường bị cô lập, chỉ có thể tham gia các hoạt động kinh tế năng suất thấp. Ví dụ, việc xây dựng đường giao thông nông thôn giúp nông dân bán nông sản với giá tốt hơn và tham gia vào chuỗi giá trị rộng lớn hơn, qua đó nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững.

- **SDG 2:**

SDG 9 cũng hỗ trợ trực tiếp SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực thông qua phát triển hạ tầng và công nghiệp chế biến nông nghiệp. Hệ thống kho bãi, bảo quản lạnh, giao thông và công nghệ chế biến giúp giảm thất thoát sau thu hoạch và nâng cao giá trị nông sản. Ở nhiều quốc gia đang phát triển, thất thoát lương thực xảy ra không phải do thiếu sản xuất mà do thiếu hạ tầng và công nghệ phù hợp. Do đó, công nghiệp hóa nông nghiệp theo tinh thần SDG 9 góp phần đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện sinh kế cho nông dân.

- **SDG 3:**

Bên cạnh đó, SDG 9 có mối liên hệ hai chiều với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Hạ tầng y tế, giao thông và công nghệ là điều kiện cần để người dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đồng thời, công nghiệp hóa nếu thiếu kiểm soát có thể gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng. Ví dụ, các khu công nghiệp không xử lý tốt chất thải có thể

gây ô nhiễm nguồn nước và không khí, làm gia tăng bệnh tật. Vì vậy, SDG 9 cần được thực hiện theo hướng bền vững để vừa hỗ trợ SDG 3 vừa tránh các tác động tiêu cực đến sức khỏe.

- **SDG 4:**

SDG 9 gắn bó chặt chẽ với SDG 4 về giáo dục chất lượng. Đổi mới sáng tạo và công nghiệp hóa đòi hỏi nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ cao, trong khi giáo dục và đào tạo nghề là nền tảng để đáp ứng nhu cầu đó. Ngược lại, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, đặc biệt là giáo dục trực tuyến và đào tạo từ xa. Ví dụ, hạ tầng số phát triển giúp sinh viên và người lao động ở vùng xa tiếp cận tri thức và kỹ năng mới, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- **SDG 5:**

Mối liên hệ giữa SDG 9 và SDG 5 về bình đẳng giới thể hiện ở khả năng tiếp cận công nghiệp, công nghệ và hạ tầng của phụ nữ. Khi phụ nữ được tham gia bình đẳng vào các ngành công nghiệp và đổi mới sáng tạo, tiềm năng lao động của xã hội được khai thác tốt hơn. Ngược lại, nếu công nghiệp hóa chỉ tập trung vào lao động nam hoặc các ngành truyền thống, bất bình đẳng giới có thể gia tăng. Ví dụ, đào tạo kỹ năng công nghệ cho phụ nữ giúp họ tham gia vào các ngành nghề có thu nhập cao hơn, từ đó hỗ trợ cả SDG 5 và SDG 9.

- **SDG 7:**

SDG 9 cũng có mối quan hệ mật thiết với SDG 7 về năng lượng sạch và bền vững. Hạ tầng năng lượng là nền tảng cho công nghiệp hóa và đổi mới, trong khi công nghệ mới giúp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và thúc đẩy chuyển dịch sang năng lượng tái tạo. Ví dụ, đầu tư vào lưới điện thông minh và công nghệ tiết kiệm năng lượng giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất và giảm phát thải, qua đó hỗ trợ cả phát triển công nghiệp và mục tiêu năng lượng bền vững.

- **SDG 8:**

Trong trụ cột kinh tế, SDG 9 là động lực quan trọng để thực hiện SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Công nghiệp hóa và đổi mới sáng tạo giúp nâng cao năng suất lao động, tạo ra việc làm có giá trị gia tăng cao và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Tuy nhiên, tăng trưởng chỉ thực sự bền vững khi công nghiệp phát triển theo hướng bao trùm, tạo cơ hội việc làm cho nhiều nhóm xã hội khác nhau.

- **SDG 11:**

SDG 9 cũng liên hệ chặt chẽ với SDG 11 về thành phố và cộng đồng bền vững. Các thành phố là trung tâm của công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Hạ tầng đô thị tốt giúp nâng cao chất lượng sống, giảm ùn tắc và ô nhiễm, trong khi đổi mới sáng tạo hỗ trợ phát triển các thành phố thông minh. Ví dụ, ứng dụng công nghệ trong quản lý giao thông và năng lượng giúp thành phố vận hành hiệu quả hơn và thân thiện với môi trường.

- **SDG 12:**

Đồng thời, SDG 9 cần được điều chỉnh bởi SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Công nghiệp hóa nếu thiếu định hướng bền vững có thể làm gia tăng khai thác tài nguyên và ô nhiễm. Việc áp dụng công nghệ sạch, kinh tế tuần hoàn và sản xuất hiệu quả tài nguyên giúp

đảm bảo rằng phát triển công nghiệp không gây tổn hại đến môi trường và nguồn lực cho các thế hệ tương lai.

- **SDG 16:**

Cuối cùng, SDG 9 có mối quan hệ không thể tách rời với SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và quản trị hiệu quả. Phát triển hạ tầng và công nghiệp đòi hỏi môi trường pháp lý minh bạch, quản lý công bằng và chống tham nhũng. Thể chế yếu kém có thể dẫn đến đầu tư kém hiệu quả, lãng phí nguồn lực và gia tăng bất bình đẳng. Ngược lại, thể chế vững mạnh tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư và đảm bảo rằng lợi ích của công nghiệp hóa được phân bổ công bằng trong xã hội.

Mối quan hệ giữa SDG 10 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 13, 15, 16 và 17

SDG 10 hướng tới giảm bất bình đẳng trong thu nhập, cơ hội và khả năng tiếp cận nguồn lực giữa các nhóm dân cư, vùng miền và quốc gia. Bất bình đẳng không chỉ là hệ quả của phát triển mà còn là nguyên nhân làm suy yếu hiệu quả của các mục tiêu phát triển bền vững khác. Vì vậy, SDG 10 có mối liên hệ rộng và sâu với hầu hết các SDGs còn lại.

- **SDG 1:**

Trước hết, SDG 10 gắn chặt với SDG 1 về xóa nghèo. Nghèo đói thường tập trung ở các nhóm yếu thế như người thu nhập thấp, dân tộc thiểu số hoặc khu vực nông thôn. Nếu bất bình đẳng cao, tăng trưởng kinh tế có thể không đến được với nhóm nghèo, khiến SDG 1 khó đạt được. Ví dụ, khi cơ hội tiếp cận đất đai, tín dụng hoặc giáo dục bị chênh lệch, người nghèo khó thoát khỏi vòng luẩn quẩn nghèo đói. Do đó, giảm bất bình đẳng giúp các chính sách giảm nghèo phát huy hiệu quả bền vững hơn.

- **SDG 2:**

SDG 10 cũng có mối liên hệ trực tiếp với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Đói nghèo không chỉ do thiếu lương thực mà còn do phân phối không công bằng. Ngay cả khi một quốc gia sản xuất đủ lương thực, các nhóm thu nhập thấp vẫn có thể bị suy dinh dưỡng nếu không đủ khả năng tiếp cận thực phẩm an toàn. Ví dụ, giá thực phẩm tăng cao thường ảnh hưởng nặng nề nhất đến người nghèo ở đô thị và nông thôn, cho thấy giảm bất bình đẳng thu nhập là điều kiện quan trọng để đạt SDG 2.

- **SDG 3:**

Về sức khỏe, SDG 10 có quan hệ mật thiết với SDG 3. Bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế dẫn đến chênh lệch lớn về tình trạng sức khỏe giữa các nhóm dân cư. Người nghèo hoặc người sống ở vùng sâu, vùng xa thường khó tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng, dẫn đến tỷ lệ bệnh tật và tử vong cao hơn. Khi bất bình đẳng được thu hẹp thông qua chính sách y tế bao trùm, sức khỏe cộng đồng được cải thiện, đồng thời giảm gánh nặng xã hội trong dài hạn.

- **SDG 4:**

SDG 10 cũng hỗ trợ mạnh mẽ SDG 4 về giáo dục chất lượng. Bất bình đẳng trong giáo dục là một trong những nguyên nhân sâu xa của bất bình đẳng thu nhập trong tương lai. Trẻ em từ các gia đình nghèo thường có ít cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng, dẫn đến hạn chế kỹ năng

và việc làm sau này. Việc giảm chênh lệch trong tiếp cận giáo dục giúp tạo ra sự công bằng về cơ hội, từ đó góp phần thực hiện đồng thời SDG 4 và SDG 10.

- **SDG 5:**

Bình đẳng giới, nội dung cốt lõi của SDG 5, cũng là một khía cạnh quan trọng của SDG 10. Phụ nữ và trẻ em gái thường chịu nhiều thiệt thòi trong tiếp cận giáo dục, việc làm và thu nhập. Khi bất bình đẳng giới tồn tại, tiềm năng lao động của xã hội không được khai thác đầy đủ. Ví dụ, trao quyền kinh tế cho phụ nữ giúp tăng thu nhập hộ gia đình, cải thiện phúc lợi và góp phần giảm bất bình đẳng xã hội nói chung.

- **SDG 6:**

SDG 10 còn liên hệ với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh. Các nhóm dân cư nghèo và khu vực nông thôn thường khó tiếp cận nước sạch và dịch vụ vệ sinh an toàn, làm gia tăng rủi ro bệnh tật. Việc đảm bảo tiếp cận công bằng với nước sạch không chỉ cải thiện sức khỏe mà còn giảm chênh lệch về điều kiện sống giữa các nhóm xã hội.

- **SDG 7:**

Trong lĩnh vực năng lượng, SDG 10 gắn với SDG 7 thông qua vấn đề tiếp cận năng lượng. Hộ gia đình thu nhập thấp và khu vực vùng sâu, vùng xa thường thiếu điện hoặc phải sử dụng nguồn năng lượng kém an toàn. Khi tiếp cận năng lượng sạch được mở rộng và công bằng hơn, các nhóm yếu thế có thêm cơ hội cải thiện sinh kế, học tập và sản xuất, từ đó thu hẹp khoảng cách phát triển.

- **SDG 8:**

SDG 10 có mối quan hệ hai chiều với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Tăng trưởng không bao trùm có thể làm gia tăng bất bình đẳng, trong khi bất bình đẳng cao lại kìm hãm tăng trưởng dài hạn do làm giảm tiêu dùng và gây bất ổn xã hội. Ngược lại, tạo việc làm công bằng và bảo vệ người lao động giúp tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững hơn.

- **SDG 11:**

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 10 liên hệ chặt chẽ với SDG 11 về thành phố bền vững. Bất bình đẳng thể hiện rõ qua sự phân hóa không gian đô thị, nơi người nghèo thường sống trong khu nhà ở kém chất lượng và thiếu dịch vụ công. Phát triển đô thị bao trùm giúp mọi nhóm dân cư tiếp cận nhà ở, giao thông và dịch vụ, qua đó giảm bất bình đẳng và cải thiện chất lượng sống.

- **SDG 13:**

SDG 10 cũng liên quan đến SDG 13 về biến đổi khí hậu. Các nhóm yếu thế thường chịu tác động nặng nề hơn từ thiên tai và biến đổi khí hậu do thiếu nguồn lực để thích ứng. Giảm bất bình đẳng giúp nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng và đảm bảo rằng các chính sách khí hậu không làm gia tăng khoảng cách xã hội.

- **SDG 15:**

Tương tự, SDG 10 gắn với SDG 15 về hệ sinh thái đất liền. Suy thoái môi trường thường ảnh hưởng nặng nhất đến người nghèo sống phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên. Khi bất bình

đẳng cao, các nhóm yếu thế ít có tiếng nói trong bảo vệ môi trường. Giảm bất bình đẳng giúp phân bổ công bằng lợi ích và trách nhiệm trong quản lý tài nguyên.

- **SDG 16,17:**

Cuối cùng, SDG 10 không thể tách rời SDG 16 và SDG 17. Thể chế minh bạch, công bằng và pháp quyền vững mạnh giúp bảo vệ quyền lợi của mọi nhóm xã hội, từ đó giảm bất bình đẳng. Đồng thời, hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thông qua hỗ trợ tài chính, chuyên gia công nghệ và thương mại công bằng.

Mối quan hệ giữa SDG 1 với SDG 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 13, 14, 15 và 16

SDG 1 hướng tới xóa nghèo dưới mọi hình thức, không chỉ là thiếu thu nhập mà còn bao gồm thiếu khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản, thiếu cơ hội và dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế – xã hội – môi trường. Chính vì vậy, SDG 1 có mối liên hệ sâu rộng với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác, đóng vai trò vừa là mục tiêu vừa là điều kiện của phát triển bền vững.

- **SDG 2:**

Trước hết, SDG 1 có mối quan hệ trực tiếp với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Nghèo đói là nguyên nhân chính dẫn đến thiếu ăn và suy dinh dưỡng, trong khi đói nghèo kéo dài lại làm suy giảm sức khỏe và khả năng lao động, khiến người nghèo khó thoát khỏi nghèo. Ví dụ, các hộ gia đình nghèo thường không đủ khả năng tiếp cận thực phẩm đa dạng và an toàn, dẫn đến suy dinh dưỡng trẻ em, làm giảm cơ hội phát triển lâu dài. Vì vậy, xóa nghèo là điều kiện then chốt để đảm bảo an ninh lương thực bền vững.

- **SDG 3:**

SDG 1 cũng gắn chặt với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Người nghèo thường có khả năng tiếp cận hạn chế với dịch vụ y tế, bảo hiểm và điều kiện sống lành mạnh, dẫn đến tỷ lệ bệnh tật và tử vong cao hơn. Đồng thời, chi phí y tế cao có thể đẩy các hộ gia đình dễ tổn thương rơi trở lại nghèo đói. Ví dụ, một đợt ốm nặng trong gia đình không có bảo hiểm y tế có thể khiến họ mất toàn bộ tích lũy và tái nghèo. Do đó, xóa nghèo và bảo vệ sức khỏe có mối quan hệ hai chiều chặt chẽ.

- **SDG 4:**

Giáo dục, nội dung cốt lõi của SDG 4, cũng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện SDG 1. Trẻ em từ các gia đình nghèo thường có ít cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng, dẫn đến kỹ năng thấp và việc làm bấp bênh khi trưởng thành. Ngược lại, giáo dục giúp nâng cao năng lực, mở rộng cơ hội việc làm và thu nhập, là con đường bền vững để thoát nghèo. Ví dụ, các chương trình đào tạo nghề cho thanh niên nghèo giúp họ tham gia thị trường lao động chính thức và cải thiện sinh kế.

- **SDG 5:**

SDG 1 còn liên hệ chặt chẽ với SDG 5 về bình đẳng giới. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ đơn thân và phụ nữ ở khu vực nông thôn, thường có nguy cơ nghèo cao hơn do hạn chế về quyền sở hữu tài sản, tiếp cận việc làm và tín dụng. Khi bất bình đẳng giới tồn tại, nghèo đói có xu

hướng tập trung vào phụ nữ và trẻ em. Trao quyền kinh tế cho phụ nữ giúp tăng thu nhập hộ gia đình, cải thiện phúc lợi và góp phần giảm nghèo bền vững.

- **SDG 6:**

Về điều kiện sống cơ bản, SDG 1 có mối liên hệ rõ rệt với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh. Người nghèo thường sống ở những khu vực thiếu nước sạch và dịch vụ vệ sinh an toàn, làm gia tăng nguy cơ bệnh tật và chi phí y tế. Đồng thời, việc thiếu nước sạch làm giảm năng suất lao động và thời gian học tập, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em. Do đó, cải thiện tiếp cận nước sạch là một phần quan trọng của chiến lược xóa nghèo đa chiều.

- **SDG 7:**

SDG 1 cũng gắn với SDG 7 thông qua vấn đề tiếp cận năng lượng. Hộ nghèo và khu vực vùng sâu, vùng xa thường thiếu điện hoặc phải sử dụng nguồn năng lượng kém an toàn, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sinh kế. Khi tiếp cận năng lượng sạch được mở rộng, người nghèo có thể cải thiện sản xuất, học tập và điều kiện sống, qua đó hỗ trợ quá trình thoát nghèo.

- **SDG 8:**

Trong trụ cột kinh tế, SDG 1 có mối quan hệ đặc biệt với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Xóa nghèo bền vững phụ thuộc lớn vào khả năng tạo việc làm ổn định và có thu nhập đủ sống. Nếu tăng trưởng kinh tế không tạo ra việc làm cho người nghèo, SDG 1 khó đạt được. Ví dụ, các chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở khu vực nông thôn giúp tạo việc làm tại chỗ và nâng cao thu nhập cho người nghèo.

- **SDG 10:**

SDG 10 về giảm bất bình đẳng cũng có liên hệ chặt chẽ với SDG 1. Nghèo đói thường đi kèm với bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và cơ hội. Khi bất bình đẳng cao, lợi ích của tăng trưởng không đến được với nhóm nghèo, làm suy yếu các nỗ lực xóa nghèo. Do đó, giảm bất bình đẳng giúp đảm bảo rằng các chính sách giảm nghèo mang lại hiệu quả bao trùm và lâu dài.

- **SDG 11:**

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 1 liên hệ với SDG 11 về thành phố bền vững. Người nghèo đô thị thường sống trong các khu nhà ở không đảm bảo, thiếu dịch vụ công và dễ bị tổn thương trước rủi ro môi trường. Phát triển đô thị bao trùm giúp cải thiện điều kiện sống, tạo việc làm và giảm nghèo đô thị, góp phần thực hiện SDG 1.

- **SDG 13:**

SDG 1 cũng chịu tác động mạnh từ SDG 13 về biến đổi khí hậu. Người nghèo là nhóm dễ bị tổn thương nhất trước thiên tai và biến đổi khí hậu do thiếu nguồn lực để thích ứng. Thiên tai có thể phá hủy sinh kế và đẩy người dân vào cảnh nghèo cùng cực. Do đó, xóa nghèo cần gắn với các chiến lược thích ứng khí hậu và tăng khả năng chống chịu cho cộng đồng nghèo.

- **SDG 14,15**

Tương tự, SDG 1 có mối liên hệ với SDG 14 và SDG 15 về bảo vệ hệ sinh thái biển và đất liền. Nhiều cộng đồng nghèo phụ thuộc trực tiếp vào tài nguyên thiên nhiên để sinh sống, như

đánh bắt thủy sản quy mô nhỏ hoặc nông nghiệp. Suy thoái hệ sinh thái làm mất sinh kế và gia tăng nghèo đói. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vì vậy là điều kiện quan trọng để giảm nghèo bền vững.

- SDG 16:

Cuối cùng, SDG 1 không thể tách rời SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và công lý. Chính sách giảm nghèo chỉ phát huy hiệu quả khi được thực hiện trong một môi trường thể chế minh bạch, công bằng và có trách nhiệm giải trình. Thể chế yếu kém có thể làm thất thoát nguồn lực và khiến người nghèo không tiếp cận được hỗ trợ cần thiết.

Mối quan hệ giữa SDG 2 với SDG 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 15

SDG 2 hướng tới chấm dứt nạn đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững. Lương thực không chỉ là nhu cầu cơ bản mà còn là nền tảng của sức khỏe, giáo dục, sinh kế và ổn định xã hội. Do đó, SDG 2 có mối liên hệ sâu rộng với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

- SDG 1:

Trước hết, SDG 2 có mối quan hệ trực tiếp với SDG 1 về xóa nghèo. Nghèo đói là nguyên nhân chính khiến nhiều hộ gia đình không đủ khả năng tiếp cận lương thực an toàn và dinh dưỡng, trong khi đói nghèo kéo dài lại làm suy giảm sức khỏe và khả năng lao động, khiến người nghèo khó thoát nghèo. Ví dụ, các hộ nông dân nghèo thường phải bán nông sản giá rẻ và không đủ khả năng đầu tư cải thiện sản xuất, dẫn đến vòng luẩn quẩn nghèo đói – thiếu ăn.

- SDG 3:

SDG 2 cũng gắn chặt với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Dinh dưỡng đầy đủ là điều kiện tiên quyết cho sức khỏe tốt, đặc biệt đối với trẻ em và phụ nữ mang thai. Suy dinh dưỡng làm tăng nguy cơ bệnh tật, giảm khả năng học tập và lao động. Ngược lại, hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe tốt giúp phát hiện và can thiệp sớm các vấn đề về dinh dưỡng. Ví dụ, chương trình dinh dưỡng học đường không chỉ cải thiện sức khỏe trẻ em mà còn nâng cao kết quả học tập.

- SDG 4:

Mối liên hệ giữa SDG 2 và SDG 4 thể hiện rõ qua tác động của dinh dưỡng đến giáo dục. Trẻ em bị suy dinh dưỡng thường gặp khó khăn trong học tập, dễ bỏ học và có thành tích học tập thấp. Đồng thời, giáo dục giúp nâng cao nhận thức về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và kỹ thuật sản xuất nông nghiệp bền vững. Ví dụ, đào tạo nông dân về kỹ thuật canh tác giúp cải thiện năng suất và chất lượng lương thực.

- SDG 6:

SDG 2 có quan hệ chặt chẽ với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh. Nông nghiệp là lĩnh vực sử dụng nhiều nước nhất, trong khi nước ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn thực phẩm và sức khỏe. Thiếu nước sạch và vệ sinh kém làm gia tăng bệnh tật và suy dinh dưỡng, đặc biệt ở trẻ em. Do đó, quản lý tài nguyên nước bền vững là điều kiện quan trọng để đảm bảo an ninh lương thực.

- SDG 5:

Bình đẳng giới, nội dung cốt lõi của SDG 5, cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện SDG 2. Phụ nữ chiếm tỷ lệ lớn trong lao động nông nghiệp nhưng thường hạn chế trong tiếp cận đất đai, tín dụng và công nghệ. Khi phụ nữ được trao quyền và tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, năng suất nông nghiệp và an ninh lương thực được cải thiện đáng kể. Ví dụ, trao quyền sở hữu đất cho phụ nữ giúp tăng đầu tư vào sản xuất và cải thiện dinh dưỡng gia đình.

- **SDG 7:**

SDG 2 cũng liên hệ với SDG 7 thông qua việc sử dụng năng lượng trong sản xuất và chế biến nông nghiệp. Năng lượng sạch giúp cải thiện hiệu quả tưới tiêu, bảo quản và chế biến thực phẩm, từ đó giảm thất thoát sau thu hoạch. Ví dụ, sử dụng năng lượng mặt trời cho kho lạnh nông sản giúp kéo dài thời gian bảo quản và ổn định nguồn cung lương thực.

- **SDG 8:**

Trong trụ cột kinh tế, SDG 2 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Nông nghiệp và chuỗi giá trị lương thực tạo việc làm cho một bộ phận lớn dân cư, đặc biệt ở nông thôn. Khi nông nghiệp phát triển bền vững và tạo ra việc làm ổn định, thu nhập của người dân tăng lên, góp phần giảm nghèo và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bao trùm.

- **SDG 9:**

SDG 2 cũng gắn bó với SDG 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Hạ tầng giao thông, kho bãi và công nghệ chế biến giúp giảm thất thoát lương thực và nâng cao giá trị nông sản. Đổi mới công nghệ trong nông nghiệp, như nông nghiệp chính xác hoặc công nghệ sinh học, góp phần tăng năng suất và khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

- **SDG 10:**

Giảm bất bình đẳng, nội dung của SDG 10, có liên hệ mật thiết với SDG 2. Đói nghèo và suy dinh dưỡng thường tập trung ở các nhóm yếu thế và vùng kém phát triển. Khi bất bình đẳng trong thu nhập và tiếp cận dịch vụ được thu hẹp, khả năng tiếp cận lương thực an toàn của các nhóm này được cải thiện, góp phần đạt được an ninh lương thực toàn diện.

- **SDG 12:**

SDG 2 cũng liên quan chặt chẽ đến SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Lãng phí thực phẩm là một trong những nguyên nhân làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực. Khi tiêu dùng và sản xuất thực phẩm được điều chỉnh theo hướng bền vững, lượng lương thực bị thất thoát giảm, góp phần đảm bảo nguồn cung và bảo vệ môi trường.

- **SDG 13:**

Biến đổi khí hậu, nội dung của SDG 13, tác động trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực thông qua hạn hán, lũ lụt và thời tiết cực đoan. Nông nghiệp bền vững và thích ứng khí hậu giúp giảm thiểu rủi ro và bảo vệ sinh kế của nông dân. Ví dụ, áp dụng giống cây trồng chịu hạn giúp duy trì sản xuất trong điều kiện khí hậu biến đổi.

- **SDG 14,15:**

Cuối cùng, SDG 2 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 14 và SDG 15 về bảo vệ hệ sinh thái biển và đất liền. Nhiều cộng đồng phụ thuộc vào tài nguyên biển và rừng để đảm bảo lương thực

và sinh kế. Khai thác quá mức và suy thoái hệ sinh thái làm suy giảm nguồn thực phẩm và gia tăng đói nghèo. Bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái vì vậy là điều kiện quan trọng để đạt được an ninh lương thực bền vững.

Mối quan hệ giữa SDG 12 với SDG 3, SDG 11, SDG 14 và SDG 15

- SDG 12 hướng tới việc xây dựng các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững, trong đó nhấn mạnh sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm chất thải, hạn chế hóa chất độc hại và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Do tiêu dùng và sản xuất là hoạt động cốt lõi của nền kinh tế, SDG 12 có ảnh hưởng sâu rộng đến sức khỏe con người, không gian sống đô thị và các hệ sinh thái tự nhiên.
- **SDG 3:**

Trước hết, SDG 12 có mối liên hệ trực tiếp với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Các mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững thường kéo theo ô nhiễm không khí, nước và đất, từ đó làm gia tăng các bệnh về hô hấp, tiêu hóa và bệnh mãn tính. Ví dụ, việc sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động và người tiêu dùng thông qua thực phẩm và nguồn nước bị nhiễm bẩn. Khi SDG 12 được thực hiện hiệu quả, các doanh nghiệp giảm phát thải, kiểm soát hóa chất và quản lý chất thải tốt hơn, góp phần cải thiện môi trường sống và nâng cao sức khỏe cộng đồng, hỗ trợ trực tiếp cho SDG 3.

- **SDG 11:**

SDG 12 cũng gắn bó chặt chẽ với SDG 11 về thành phố và cộng đồng bền vững. Các thành phố là nơi tập trung tiêu dùng và phát sinh lượng lớn chất thải rắn, nước thải và khí thải. Nếu mô hình tiêu dùng đô thị thiếu bền vững, các vấn đề như ô nhiễm, quá tải bãi rác và suy giảm chất lượng sống sẽ trở nên nghiêm trọng. Ví dụ, lối sống tiêu dùng nhanh và sử dụng nhựa dùng một lần ở đô thị làm gia tăng áp lực lên hệ thống xử lý rác thải. Ngược lại, khi SDG 12 được lồng ghép vào quy hoạch đô thị thông qua phân loại rác tại nguồn, tái chế và tiêu dùng xanh, các thành phố có thể giảm ô nhiễm và trở nên đáng sống hơn, qua đó hỗ trợ thực hiện SDG 11.

- **SDG 14:**

Bên cạnh đó, SDG 12 có mối quan hệ mật thiết với SDG 14 về bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên biển. Phần lớn rác thải nhựa đại dương bắt nguồn từ các hoạt động tiêu dùng và sản xuất trên đất liền, đặc biệt là bao bì nhựa dùng một lần. Khi tiêu dùng thiếu kiểm soát và quản lý chất thải kém, rác thải từ đất liền theo sông ngòi đổ ra biển, gây tổn hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái biển và sinh vật biển. Ví dụ, việc giảm sử dụng nhựa dùng một lần và tăng cường tái chế theo tinh thần SDG 12 sẽ trực tiếp làm giảm ô nhiễm đại dương, góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản và hỗ trợ SDG 14.

- **SDG 15:**

Tương tự, SDG 12 cũng liên quan chặt chẽ đến SDG 15 về hệ sinh thái trên cạn. Các mô hình sản xuất không bền vững như khai thác tài nguyên quá mức, sản xuất nông nghiệp thâm canh sử dụng nhiều hóa chất và tiêu dùng quá mức góp phần gây ra suy thoái đất, phá rừng và mất đa dạng sinh học. Ví dụ, nhu cầu tiêu dùng gỗ, thực phẩm và hàng hóa tăng cao có thể dẫn đến nạn phá rừng nếu không được kiểm soát. Khi người tiêu dùng và doanh nghiệp chuyên

sang các sản phẩm có nguồn gốc bền vững và sản xuất thân thiện với môi trường, áp lực lên hệ sinh thái đất liền giảm xuống, qua đó hỗ trợ thực hiện SDG 15.

Tóm lại, SDG 12 đóng vai trò trung tâm trong việc điều chỉnh các hoạt động sản xuất và tiêu dùng – nguyên nhân gốc rễ của nhiều vấn đề xã hội và môi trường. Việc thực hiện SDG 12 hiệu quả không chỉ giúp cải thiện sức khỏe con người, xây dựng các thành phố đáng sống hơn mà còn bảo vệ các hệ sinh thái biển và đất liền. Điều này cho thấy tiêu dùng và sản xuất bền vững là cầu nối quan trọng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường trong tiến trình đạt được các SDGs.

Mối quan hệ giữa SDG 3 với SDG 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15 và 16

SDG 3 hướng tới đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi. Sức khỏe không chỉ là kết quả của phát triển mà còn là điều kiện quan trọng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững khác. Do đó, SDG 3 có mối liên hệ chặt chẽ và hai chiều với nhiều SDGs.

- SDG 1:

Trước hết, SDG 3 có mối quan hệ trực tiếp với SDG 1 về xóa nghèo. Người nghèo thường có điều kiện sống kém và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế hạn chế, dẫn đến tình trạng sức khỏe yếu hơn. Đồng thời, chi phí y tế cao có thể đẩy các hộ gia đình dễ tổn thương rơi vào nghèo đói. Ví dụ, một ca bệnh nặng trong gia đình không có bảo hiểm y tế có thể làm cạn kiệt thu nhập và tài sản, cho thấy bảo vệ sức khỏe là yếu tố then chốt trong giảm nghèo bền vững.

- SDG 2:

SDG 3 cũng gắn bó chặt chẽ với SDG 2 về xóa đói và dinh dưỡng. Dinh dưỡng đầy đủ là nền tảng của sức khỏe, đặc biệt đối với trẻ em và phụ nữ mang thai. Suy dinh dưỡng làm suy giảm hệ miễn dịch, tăng nguy cơ bệnh tật và tử vong. Ngược lại, hệ thống y tế tốt giúp phát hiện và can thiệp sớm các vấn đề dinh dưỡng, cải thiện sức khỏe cộng đồng. Ví dụ, các chương trình tiêm chủng và dinh dưỡng cộng đồng góp phần giảm tỷ lệ tử vong trẻ em.

- SDG 4:

Giáo dục, nội dung cốt lõi của SDG 4, có mối quan hệ hai chiều với SDG 3. Trình độ giáo dục cao giúp người dân nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh và lối sống lành mạnh. Đồng thời, sức khỏe tốt giúp trẻ em học tập hiệu quả và giảm tỷ lệ bỏ học. Ví dụ, giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản trong trường học giúp giảm mang thai sớm và bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- SDG 5:

SDG 3 có liên hệ chặt chẽ với SDG 5 về bình đẳng giới, đặc biệt trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản và chăm sóc bà mẹ – trẻ em. Phụ nữ thường đối mặt với nhiều rào cản trong tiếp cận dịch vụ y tế và quyền quyết định về sức khỏe. Khi bình đẳng giới được cải thiện, phụ nữ có khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn, góp phần nâng cao sức khỏe gia đình và cộng đồng.

- SDG 6:

Về điều kiện sống, SDG 3 gắn với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh. Nước ô nhiễm và vệ sinh kém là nguyên nhân chính của nhiều bệnh truyền nhiễm, đặc biệt ở trẻ em. Việc đảm bảo tiếp cận nước sạch và vệ sinh an toàn giúp giảm bệnh tật và nâng cao sức khỏe cộng đồng, hỗ trợ trực tiếp cho SDG 3.

- **SDG 7:**

SDG 3 cũng liên hệ với SDG 7 thông qua việc sử dụng năng lượng trong y tế và sinh hoạt. Năng lượng sạch và ổn định giúp các cơ sở y tế vận hành hiệu quả, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa. Đồng thời, việc giảm sử dụng nhiên liệu truyền thống trong sinh hoạt giúp giảm ô nhiễm không khí trong nhà, một nguyên nhân gây bệnh hô hấp.

- **SDG 8:**

Trong trụ cột kinh tế, SDG 3 có mối quan hệ hai chiều với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Một lực lượng lao động khỏe mạnh giúp nâng cao năng suất và tăng trưởng kinh tế, trong khi việc làm ổn định và điều kiện lao động an toàn góp phần bảo vệ sức khỏe người lao động. Ví dụ, cải thiện an toàn lao động trong nhà máy giúp giảm tai nạn và chi phí y tế.

- **SDG 9:**

SDG 3 cũng gắn bó với SDG 9 thông qua hạ tầng y tế và công nghệ. Phát triển hạ tầng y tế, công nghệ y sinh và đổi mới sáng tạo giúp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, công nghiệp hóa nếu thiếu kiểm soát có thể gây ô nhiễm, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe. Do đó, đổi mới sáng tạo cần gắn với tiêu chí bền vững.

- **SDG 11:**

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 3 liên hệ chặt chẽ với SDG 11 về thành phố bền vững. Môi trường đô thị ô nhiễm, giao thông ùn tắc và thiếu không gian xanh ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và thể chất. Phát triển đô thị bền vững với không gian xanh và giao thông công cộng giúp cải thiện chất lượng sống và sức khỏe cư dân.

- **SDG 12:**

SDG 3 cũng có mối liên hệ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Việc sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất và tiêu dùng gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Khi sản xuất và tiêu dùng được kiểm soát tốt hơn, nguy cơ bệnh tật do ô nhiễm giảm xuống, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- **SDG 13:**

Biến đổi khí hậu, nội dung của SDG 13, tác động mạnh đến sức khỏe thông qua các hiện tượng thời tiết cực đoan, dịch bệnh và ô nhiễm không khí. Người nghèo và nhóm dễ tổn thương chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Các chính sách thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu vì vậy cũng là biện pháp bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- **SDG 14,15:**

SDG 3 còn liên quan đến SDG 14 và SDG 15 thông qua mối liên hệ giữa hệ sinh thái và sức khỏe con người. Ô nhiễm biển ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và sức khỏe, trong khi suy

thoái hệ sinh thái đất liền làm gia tăng nguy cơ dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người. Bảo vệ đa dạng sinh học vì vậy góp phần phòng ngừa rủi ro sức khỏe trong dài hạn.

- **SDG 16:**

Cuối cùng, SDG 3 không thể tách rời SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và công lý. Hệ thống y tế hiệu quả cần được hỗ trợ bởi thể chế minh bạch, chính sách công bằng và quản trị tốt. Thể chế yếu kém làm giảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và làm gia tăng bất bình đẳng về sức khỏe.

Mối quan hệ giữa SDG 4 với SDG 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 16

SDG 4 hướng tới đảm bảo giáo dục chất lượng, công bằng và bao trùm, đồng thời thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người. Giáo dục không chỉ là một mục tiêu xã hội mà còn là nền tảng quan trọng của phát triển bền vững, bởi nó tác động trực tiếp đến thu nhập, sức khỏe, bình đẳng và năng lực quản trị xã hội. Do đó, SDG 4 có mối liên hệ sâu rộng với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

- **SDG1:**

Trước hết, SDG 4 có mối quan hệ chặt chẽ với SDG 1 về xóa nghèo. Giáo dục giúp nâng cao kỹ năng và năng lực của người lao động, từ đó mở rộng cơ hội việc làm và tăng thu nhập. Người có trình độ học vấn cao thường ít có nguy cơ rơi vào nghèo đói hơn. Ví dụ, các chương trình đào tạo nghề cho thanh niên nghèo giúp họ tham gia thị trường lao động chính thức và cải thiện sinh kế một cách bền vững.

SDG 4 cũng liên hệ trực tiếp với SDG 2 về xóa đói và dinh dưỡng. Trẻ em được học tập đầy đủ thường có kiến thức tốt hơn về dinh dưỡng và sức khỏe, đồng thời gia đình có trình độ học vấn cao hơn thường chú trọng hơn đến an toàn thực phẩm. Ngược lại, dinh dưỡng kém làm giảm khả năng học tập và tăng tỷ lệ bỏ học. Ví dụ, các chương trình bữa ăn học đường vừa cải thiện dinh dưỡng vừa nâng cao kết quả học tập của học sinh.

Về sức khỏe, SDG 4 có mối quan hệ hai chiều với SDG 3. Giáo dục nâng cao nhận thức về phòng bệnh, lối sống lành mạnh và chăm sóc sức khỏe, trong khi sức khỏe tốt giúp học sinh học tập hiệu quả hơn. Ví dụ, giáo dục sức khỏe sinh sản và phòng chống bệnh truyền nhiễm trong trường học góp phần giảm rủi ro sức khỏe trong cộng đồng.

Bình đẳng giới, nội dung cốt lõi của SDG 5, có mối liên hệ mật thiết với SDG 4. Giáo dục giúp trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, mở rộng cơ hội tham gia kinh tế và xã hội. Ngược lại, khi bất bình đẳng giới tồn tại, trẻ em gái thường là nhóm bị hạn chế tiếp cận giáo dục nhiều nhất. Ví dụ, việc đảm bảo giáo dục cho trẻ em gái góp phần cải thiện sức khỏe gia đình và giảm nghèo trong dài hạn.

SDG 4 cũng gắn bó với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh thông qua điều kiện học tập. Trường học thiếu nước sạch và vệ sinh an toàn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và khả năng đến trường của học sinh, đặc biệt là học sinh nữ. Cải thiện cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh trong trường học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và duy trì tỷ lệ đi học.

Về năng lượng, SDG 4 có liên hệ với SDG 7 trong việc đảm bảo điều kiện học tập và tiếp cận công nghệ. Điện năng ổn định giúp trường học vận hành hiệu quả, hỗ trợ học tập trực tuyến và tiếp cận tri thức số. Ví dụ, cung cấp điện mặt trời cho trường học vùng sâu vùng xa giúp học sinh tiếp cận giáo dục chất lượng hơn.

Trong trụ cột kinh tế, SDG 4 có mối quan hệ chặt chẽ với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Giáo dục và đào tạo kỹ năng là yếu tố quyết định nâng cao năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế tạo nguồn lực để đầu tư vào giáo dục. Ví dụ, các quốc gia đầu tư mạnh vào giáo dục thường đạt tăng trưởng ổn định và bền vững hơn.

SDG 4 cũng liên hệ với SDG 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Đổi mới sáng tạo đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao, trong khi hạ tầng công nghệ thông tin giúp mở rộng cơ hội học tập và nghiên cứu. Ví dụ, phát triển hạ tầng số giúp thúc đẩy giáo dục trực tuyến và đào tạo kỹ năng cho nền kinh tế số.

Về khía cạnh công bằng xã hội, SDG 4 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Giáo dục là công cụ quan trọng để tạo ra sự công bằng về cơ hội. Khi giáo dục chất lượng được tiếp cận rộng rãi, khoảng cách thu nhập và cơ hội giữa các nhóm xã hội được thu hẹp.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 4 gắn với SDG 11 về thành phố bền vững. Các thành phố với hệ thống giáo dục tốt giúp thu hút nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới. Đồng thời, giáo dục góp phần nâng cao ý thức cộng đồng trong quản lý đô thị và bảo vệ môi trường sống.

SDG 4 cũng liên hệ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Giáo dục nâng cao nhận thức về tiêu dùng có trách nhiệm, bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả. Ví dụ, giáo dục môi trường trong trường học giúp hình thành lối sống bền vững cho thế hệ trẻ.

Cuối cùng, SDG 4 không thể tách rời SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và công lý. Giáo dục giúp nâng cao nhận thức pháp luật, quyền công dân và sự tham gia xã hội, từ đó củng cố nền tảng của quản trị tốt. Đồng thời, thể chế minh bạch và công bằng là điều kiện để đảm bảo mọi người đều được tiếp cận giáo dục chất lượng.

Mối quan hệ giữa SDG 5 với SDG 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15 và 16

SDG 5 hướng tới đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái. Bình đẳng giới không chỉ là một mục tiêu xã hội mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển con người và quản trị bền vững. Việc đạt được SDG 5 có tác động lan tỏa đến nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

Trước hết, SDG 5 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Phụ nữ chiếm tỷ lệ lớn trong sản xuất nông nghiệp nhưng thường hạn chế tiếp cận đất đai, tín dụng và công nghệ. Khi phụ nữ được trao quyền và tiếp cận bình đẳng các nguồn lực, năng suất nông nghiệp tăng lên, góp phần cải thiện an ninh lương thực và dinh dưỡng gia đình. Ví dụ, các chương trình hỗ trợ nông nghiệp cho phụ nữ giúp tăng sản lượng và giảm suy dinh dưỡng trẻ em.

SDG 5 cũng gắn bó chặt chẽ với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi, đặc biệt là sức khỏe sinh sản và chăm sóc bà mẹ – trẻ em. Bình đẳng giới giúp phụ nữ có quyền quyết định về sức khỏe của mình, tiếp cận dịch vụ y tế và kế hoạch hóa gia đình. Điều này không chỉ cải thiện sức khỏe phụ nữ mà còn nâng cao phúc lợi của gia đình và cộng đồng.

Trong lĩnh vực giáo dục, SDG 5 có mối quan hệ hai chiều với SDG 4. Giáo dục giúp trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái, mở rộng cơ hội việc làm và tham gia xã hội. Ngược lại, bất bình đẳng giới là rào cản lớn đối với việc tiếp cận giáo dục của trẻ em gái ở nhiều quốc gia.

Ví dụ, việc đảm bảo giáo dục cho trẻ em gái giúp giảm nghèo và cải thiện sức khỏe thể hệ sau.

SDG 5 cũng liên hệ với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh. Phụ nữ và trẻ em gái thường chịu trách nhiệm chính trong việc thu gom nước và chăm sóc vệ sinh gia đình. Khi tiếp cận nước sạch và vệ sinh an toàn được cải thiện, gánh nặng lao động của phụ nữ giảm, đồng thời sức khỏe và cơ hội học tập, làm việc của họ được nâng cao.

Về năng lượng, SDG 5 có mối liên hệ với SDG 7 thông qua việc giảm gánh nặng lao động và cải thiện điều kiện sống. Việc tiếp cận năng lượng sạch giúp giảm thời gian và công sức dành cho các công việc gia đình, đồng thời giảm ô nhiễm không khí trong nhà, cải thiện sức khỏe phụ nữ và trẻ em.

Trong trụ cột kinh tế, SDG 5 gắn chặt với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Bình đẳng giới trong tiếp cận việc làm, thu nhập và điều kiện lao động giúp khai thác tối đa tiềm năng của lực lượng lao động, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bao trùm. Ví dụ, doanh nghiệp thúc đẩy bình đẳng giới thường đạt hiệu quả và năng suất cao hơn.

SDG 5 cũng liên hệ với SDG 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Sự tham gia của phụ nữ trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giúp đa dạng hóa góc nhìn và nâng cao chất lượng đổi mới. Tuy nhiên, phụ nữ thường bị hạn chế tiếp cận các lĩnh vực công nghệ cao, do đó thúc đẩy bình đẳng giới là điều kiện để phát triển đổi mới toàn diện.

Giảm bất bình đẳng, nội dung của SDG 10, có mối liên hệ mật thiết với SDG 5. Bất bình đẳng giới là một dạng bất bình đẳng xã hội phổ biến. Khi khoảng cách giới được thu hẹp, bất bình đẳng thu nhập và cơ hội trong xã hội cũng giảm, góp phần xây dựng một xã hội công bằng hơn.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 5 liên hệ với SDG 11 về thành phố bền vững. Phụ nữ thường chịu ảnh hưởng nặng nề hơn từ các vấn đề đô thị như thiếu an toàn, nhà ở kém chất lượng và giao thông bất tiện. Phát triển đô thị nhạy cảm giới giúp cải thiện an toàn và chất lượng sống cho phụ nữ và trẻ em gái.

SDG 5 cũng có mối liên hệ với SDG 13 về biến đổi khí hậu. Phụ nữ, đặc biệt ở các cộng đồng nghèo, thường dễ bị tổn thương hơn trước tác động của biến đổi khí hậu do hạn chế về nguồn lực. Tuy nhiên, khi được trao quyền, phụ nữ có thể đóng vai trò quan trọng trong thích ứng và giảm thiểu tác động khí hậu ở cấp cộng đồng.

SDG 5 liên quan đến SDG 14 và SDG 15 thông qua vai trò của phụ nữ trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Phụ nữ thường tham gia trực tiếp vào khai thác và bảo vệ tài nguyên biển và đất liền. Trao quyền cho phụ nữ giúp cải thiện quản lý tài nguyên bền vững và bảo vệ sinh kế lâu dài.

Cuối cùng, SDG 5 không thể tách rời SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và công lý. Bình đẳng giới đòi hỏi khung pháp lý bảo vệ quyền phụ nữ, chống phân biệt đối xử và bạo lực giới. Thể chế minh bạch và công bằng là nền tảng để thực thi các chính sách bình đẳng giới hiệu quả.

Mối quan hệ giữa SDG 6 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 7, 11, 12, 13, 15, 16 và 17

SDG 6 hướng tới đảm bảo khả năng tiếp cận nước sạch và vệ sinh an toàn cho tất cả mọi người, đồng thời quản lý bền vững tài nguyên nước. Nước là yếu tố nền tảng cho sự sống, sức

khỏe, sinh kế và phát triển kinh tế – xã hội, vì vậy SDG 6 có mối liên hệ sâu rộng với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

Trước hết, SDG 6 có mối quan hệ trực tiếp với SDG 1 về xóa nghèo. Người nghèo thường sống ở khu vực thiếu nước sạch và hệ thống vệ sinh an toàn, làm gia tăng chi phí y tế và giảm năng suất lao động. Khi tiếp cận nước sạch được cải thiện, chi phí sinh hoạt và bệnh tật giảm, góp phần cải thiện thu nhập và khả năng thoát nghèo của các hộ gia đình.

SDG 6 cũng gắn chặt với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Nông nghiệp là ngành sử dụng nhiều nước nhất, do đó việc quản lý tài nguyên nước bền vững quyết định trực tiếp đến sản xuất lương thực. Thiếu nước hoặc nước ô nhiễm làm giảm năng suất cây trồng và đe dọa an ninh lương thực. Ví dụ, hệ thống tưới tiêu hiệu quả giúp nông dân ổn định sản xuất và giảm rủi ro mất mùa.

Về sức khỏe, SDG 6 có mối quan hệ mật thiết với SDG 3. Nước ô nhiễm và vệ sinh kém là nguyên nhân chính gây ra các bệnh truyền nhiễm như tiêu chảy, tả và các bệnh ký sinh. Việc đảm bảo nước sạch và vệ sinh an toàn giúp giảm đáng kể gánh nặng bệnh tật, đặc biệt ở trẻ em và nhóm dễ tổn thương.

SDG 6 cũng liên hệ với SDG 4 thông qua điều kiện học tập. Trường học thiếu nước sạch và vệ sinh an toàn làm giảm tỷ lệ đến trường và ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh, đặc biệt là học sinh nữ. Cải thiện cơ sở hạ tầng nước và vệ sinh trong trường học giúp nâng cao chất lượng giáo dục và duy trì việc học tập liên tục.

Bình đẳng giới, nội dung của SDG 5, có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 6. Phụ nữ và trẻ em gái thường chịu trách nhiệm chính trong việc thu gom nước và chăm sóc vệ sinh gia đình. Khi tiếp cận nước sạch được cải thiện, gánh nặng lao động của phụ nữ giảm, giúp họ có thêm thời gian cho học tập và tham gia kinh tế – xã hội.

SDG 6 cũng liên quan đến SDG 7 thông qua mối quan hệ giữa nước và năng lượng. Năng lượng cần thiết cho xử lý, phân phối nước, trong khi nước lại cần cho sản xuất năng lượng. Việc sử dụng năng lượng sạch trong hệ thống cấp nước giúp giảm phát thải và tăng tính bền vững của quản lý tài nguyên nước.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 6 gắn với SDG 11 về thành phố bền vững. Hệ thống cấp thoát nước hiệu quả là điều kiện thiết yếu để đảm bảo môi trường sống an toàn và lành mạnh trong đô thị. Thiếu hệ thống xử lý nước thải làm gia tăng ô nhiễm và ảnh hưởng đến chất lượng sống của cư dân đô thị.

SDG 6 cũng có mối liên hệ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Việc sử dụng nước hiệu quả và giảm ô nhiễm từ hoạt động sản xuất giúp bảo vệ nguồn nước lâu dài. Các doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiết kiệm nước và xử lý nước thải góp phần thực hiện đồng thời SDG 6 và SDG 12.

Biến đổi khí hậu, nội dung của SDG 13, tác động mạnh đến tài nguyên nước thông qua hạn hán, lũ lụt và biến động lượng mưa. Quản lý nước bền vững giúp tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với các cộng đồng dễ tổn thương.

SDG 6 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 15 về bảo vệ hệ sinh thái đất liền. Rừng, đất ngập nước và hệ sinh thái tự nhiên đóng vai trò quan trọng trong điều tiết và làm sạch nguồn nước. Suy thoái hệ sinh thái làm giảm chất lượng và trữ lượng nước, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế và sức khỏe con người.

Về thể chế, SDG 6 gắn với SDG 16 thông qua quản trị tài nguyên nước. Quản lý nước hiệu quả đòi hỏi khung pháp lý minh bạch, sự phối hợp giữa các bên liên quan và giải quyết xung đột công bằng, đặc biệt đối với các nguồn nước xuyên biên giới.

Cuối cùng, SDG 6 không thể tách rời SDG 17 về quan hệ đối tác. Đầu tư vào hạ tầng nước và vệ sinh đòi hỏi nguồn lực tài chính, công nghệ và hợp tác quốc tế, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển. Quan hệ đối tác hiệu quả giúp huy động nguồn lực và chia sẻ kinh nghiệm trong quản lý nước bền vững.

Mối quan hệ giữa SDG 11 với SDG 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 15 và 16

SDG 11 hướng tới xây dựng các thành phố và khu dân cư bao trùm, an toàn, có khả năng chống chịu và bền vững. Trong bối cảnh đô thị hóa nhanh, thành phố trở thành trung tâm của tăng trưởng kinh tế, đổi mới xã hội và cũng là nơi tập trung nhiều thách thức về môi trường và bất bình đẳng. Do đó, SDG 11 có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

Trước hết, SDG 11 có mối quan hệ với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực thông qua hệ thống cung ứng thực phẩm đô thị. Các thành phố phụ thuộc vào mạng lưới sản xuất – phân phối lương thực ổn định từ nông thôn và vùng ven. Khi hệ thống logistics, chợ đầu mối và kho bảo quản được phát triển bền vững, khả năng tiếp cận lương thực an toàn của người dân đô thị, đặc biệt là nhóm thu nhập thấp, được cải thiện. Ví dụ, phát triển nông nghiệp đô thị giúp tăng nguồn cung thực phẩm tươi và giảm chi phí vận chuyển.

SDG 11 cũng gắn bó chặt chẽ với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Môi trường đô thị ô nhiễm, thiếu không gian xanh và giao thông ùn tắc ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe thể chất và tinh thần. Thành phố bền vững với không gian xanh, giao thông công cộng và quản lý chất lượng không khí tốt giúp giảm bệnh tật và nâng cao chất lượng sống cho cư dân.

Trong lĩnh vực giáo dục, SDG 11 có mối liên hệ với SDG 4 thông qua việc đảm bảo hạ tầng và dịch vụ giáo dục trong đô thị. Thành phố phát triển bao trùm giúp mọi nhóm dân cư, kể cả người nghèo và người nhập cư, tiếp cận giáo dục chất lượng. Đồng thời, giáo dục nâng cao ý thức cộng đồng về quy hoạch đô thị và bảo vệ môi trường sống.

SDG 11 có mối quan hệ mật thiết với SDG 5 về bình đẳng giới. Phụ nữ và trẻ em gái thường chịu tác động lớn hơn từ các vấn đề đô thị như thiếu an toàn, nhà ở kém chất lượng và giao thông bất tiện. Phát triển đô thị nhạy cảm giới, chú trọng an toàn công cộng và dịch vụ xã hội, giúp cải thiện khả năng tham gia kinh tế – xã hội của phụ nữ.

SDG 11 cũng liên hệ chặt chẽ với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh. Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải hiệu quả là điều kiện thiết yếu cho thành phố bền vững. Thiếu hạ tầng nước sạch làm gia tăng nguy cơ dịch bệnh và ô nhiễm môi trường đô thị.

Về năng lượng, SDG 11 gắn với SDG 7 thông qua việc sử dụng năng lượng trong đô thị. Thành phố là nơi tiêu thụ năng lượng lớn, do đó việc phát triển giao thông công cộng, công trình tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo giúp giảm phát thải và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên.

Trong trụ cột kinh tế, SDG 11 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Thành phố là trung tâm tạo việc làm, đổi mới và dịch vụ. Khi đô thị phát triển bền vững và bao trùm, cơ hội việc làm được mở rộng và chất lượng việc làm được cải thiện, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn.

SDG 11 cũng gắn bó với SDG 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Hạ tầng đô thị hiện đại và bền vững là nền tảng cho công nghiệp hóa và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, đổi mới công nghệ giúp giải quyết các vấn đề đô thị như giao thông thông minh và quản lý chất thải.

Về công bằng xã hội, SDG 11 có mối liên hệ mật thiết với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Người nghèo đô thị thường sống trong các khu nhà ở không đảm bảo và thiếu dịch vụ công. Phát triển đô thị bao trùm giúp cải thiện nhà ở, dịch vụ và cơ hội tiếp cận cho các nhóm yếu thế, từ đó thu hẹp khoảng cách xã hội.

SDG 11 cũng liên hệ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Thành phố là nơi tập trung tiêu dùng và phát sinh chất thải lớn. Quản lý chất thải hiệu quả, thúc đẩy tái chế và tiêu dùng bền vững trong đô thị giúp giảm áp lực lên môi trường và tài nguyên.

SDG 11 có mối liên hệ với SDG 15 thông qua việc bảo vệ không gian xanh và hệ sinh thái đô thị. Công viên, cây xanh và hành lang sinh thái trong thành phố góp phần cải thiện chất lượng không khí, điều hòa khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học.

Cuối cùng, SDG 11 không thể tách rời SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và quản trị đô thị. Thành phố bền vững đòi hỏi quy hoạch minh bạch, sự tham gia của cộng đồng và quản lý hiệu quả. Thể chế đô thị tốt giúp giải quyết xung đột, phân bổ nguồn lực công bằng và nâng cao chất lượng sống cho cư dân.

Mối quan hệ giữa SDG 7 với SDG 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15 và 17

SDG 7 hướng tới đảm bảo khả năng tiếp cận năng lượng đáng tin cậy, bền vững, hiện đại và có giá cả phải chăng cho tất cả mọi người. Năng lượng là đầu vào thiết yếu của sản xuất, dịch vụ, giáo dục và đời sống, vì vậy SDG 7 đóng vai trò nền tảng trong việc thực hiện nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

Trước hết, SDG 7 có mối liên hệ trực tiếp với SDG 1 về xóa nghèo. Người nghèo và các cộng đồng vùng sâu, vùng xa thường thiếu tiếp cận điện và năng lượng hiện đại, làm hạn chế cơ hội sản xuất, học tập và tiếp cận thông tin. Khi năng lượng sạch được cung cấp với chi phí hợp lý, người dân có thể phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống, qua đó hỗ trợ giảm nghèo bền vững.

SDG 7 cũng gắn chặt với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Năng lượng cần thiết cho tưới tiêu, cơ giới hóa, chế biến và bảo quản nông sản. Thiếu năng lượng ổn định làm gia tăng thất thoát sau thu hoạch và giảm năng suất nông nghiệp. Ví dụ, sử dụng năng lượng mặt trời cho kho lạnh và hệ thống tưới giúp ổn định nguồn cung lương thực và tăng thu nhập cho nông dân.

Về sức khỏe, SDG 7 có mối quan hệ rõ rệt với SDG 3. Việc sử dụng nhiên liệu truyền thống trong sinh hoạt gây ô nhiễm không khí trong nhà, là nguyên nhân của nhiều bệnh hô hấp. Chuyển sang năng lượng sạch giúp cải thiện sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, năng lượng ổn định giúp các cơ sở y tế hoạt động hiệu quả hơn, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

SDG 7 cũng liên hệ với SDG 4 thông qua điều kiện học tập và tiếp cận tri thức. Điện năng ổn định giúp trường học vận hành, hỗ trợ học tập trực tuyến và mở rộng tiếp cận giáo dục số. Ví dụ, cung cấp điện cho trường học vùng sâu vùng xa giúp giảm khoảng cách giáo dục giữa các khu vực.

Bình đẳng giới, nội dung của SDG 5, có mối liên hệ với SDG 7 thông qua việc giảm gánh nặng lao động gia đình cho phụ nữ. Khi tiếp cận năng lượng hiện đại, phụ nữ có thêm thời gian cho học tập, việc làm và tham gia xã hội, đồng thời giảm rủi ro sức khỏe do ô nhiễm không khí trong nhà.

SDG 7 cũng gắn chặt với SDG 6 về nước sạch và vệ sinh thông qua mối quan hệ nước – năng lượng. Năng lượng cần thiết cho bơm, xử lý và phân phối nước, trong khi quản lý nước hiệu quả giúp tiết kiệm năng lượng. Việc sử dụng năng lượng tái tạo trong hệ thống cấp nước góp phần nâng cao tính bền vững của SDG 6.

Trong trụ cột kinh tế, SDG 7 có mối liên hệ mật thiết với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Năng lượng là yếu tố đầu vào của hầu hết các ngành kinh tế. Khi năng lượng sạch và ổn định được cung cấp, hoạt động sản xuất và dịch vụ phát triển, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bao trùm.

SDG 7 cũng liên hệ với SDG 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng. Phát triển hạ tầng năng lượng hiện đại và đổi mới công nghệ năng lượng tái tạo là nền tảng cho công nghiệp hóa bền vững. Đồng thời, công nghiệp năng lượng sạch tạo ra các ngành nghề mới và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 7 gắn với SDG 11 về thành phố bền vững. Thành phố là nơi tiêu thụ năng lượng lớn, do đó việc phát triển giao thông công cộng, công trình tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo giúp giảm phát thải và nâng cao chất lượng sống đô thị.

SDG 7 có mối liên hệ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Việc sử dụng năng lượng hiệu quả giúp giảm lãng phí tài nguyên và phát thải, đồng thời thúc đẩy mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững. Doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng vừa giảm chi phí vừa giảm tác động môi trường.

SDG 7 cũng đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện SDG 13 về ứng phó với biến đổi khí hậu. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo là biện pháp quan trọng để giảm phát thải khí nhà kính và hạn chế tác động của biến đổi khí hậu.

SDG 7 còn liên quan đến SDG 14 và SDG 15 thông qua tác động của năng lượng đến hệ sinh thái biển và đất liền. Khai thác và sử dụng năng lượng hóa thạch gây ô nhiễm môi trường và suy thoái hệ sinh thái. Phát triển năng lượng sạch giúp giảm áp lực lên các hệ sinh thái và bảo vệ đa dạng sinh học.

Cuối cùng, SDG 7 không thể tách rời SDG 17 về quan hệ đối tác. Phát triển năng lượng sạch đòi hỏi hợp tác quốc tế về tài chính, công nghệ và chia sẻ tri thức. Quan hệ đối tác hiệu quả giúp các quốc gia tiếp cận công nghệ năng lượng hiện đại và thực hiện SDG 7 một cách bền vững.

Mối quan hệ giữa SDG 13 với SDG 7, 10, 11, 12, 14, 16 và 17

SDG 13 hướng tới hành động khẩn cấp nhằm chống biến đổi khí hậu và các tác động của nó. Biến đổi khí hậu không chỉ là vấn đề môi trường mà còn ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế, xã hội, công bằng và quản trị. Vì vậy, SDG 13 có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác và đóng vai trò kết nối các trụ cột của phát triển bền vững.

Trước hết, SDG 13 có mối quan hệ then chốt với SDG 7 về năng lượng sạch và bền vững. Phần lớn phát thải khí nhà kính đến từ việc sử dụng năng lượng hóa thạch. Chuyển dịch sang

năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả là biện pháp quan trọng để giảm phát thải và thực hiện SDG 13. Ví dụ, phát triển điện gió và điện mặt trời giúp giảm phát thải CO₂ đồng thời đảm bảo an ninh năng lượng.

SDG 13 cũng gắn bó chặt chẽ với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Biến đổi khí hậu tác động nặng nề hơn đến các nhóm nghèo và dễ bị tổn thương, những người có ít nguồn lực để thích ứng. Khi chính sách khí hậu không mang tính bao trùm, bất bình đẳng xã hội có thể gia tăng. Do đó, các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu cần gắn với hỗ trợ nhóm yếu thế để đảm bảo công bằng xã hội.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 13 có mối liên hệ rõ rệt với SDG 11 về thành phố bền vững. Thành phố vừa là nguồn phát thải lớn vừa là nơi chịu tác động mạnh từ biến đổi khí hậu như ngập lụt và nắng nóng cực đoan. Phát triển đô thị thích ứng khí hậu, với hạ tầng chống chịu và không gian xanh, giúp giảm rủi ro và nâng cao khả năng thích ứng của đô thị.

SDG 13 cũng liên hệ chặt chẽ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Các mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững là nguyên nhân chính gây phát thải và suy thoái môi trường. Khi doanh nghiệp và người tiêu dùng chuyển sang các lựa chọn ít phát thải và tiết kiệm tài nguyên, áp lực lên khí hậu được giảm đáng kể.

SDG 13 có mối liên hệ đặc biệt với SDG 14 về bảo vệ hệ sinh thái biển. Biến đổi khí hậu gây axit hóa đại dương, nước biển dâng và suy giảm đa dạng sinh học biển, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của cộng đồng ven biển. Bảo vệ hệ sinh thái biển và giảm phát thải khí nhà kính là hai nhiệm vụ song song để bảo vệ đại dương và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về thể chế, SDG 13 gắn với SDG 16 thông qua quản trị khí hậu. Việc xây dựng và thực thi chính sách khí hậu hiệu quả đòi hỏi thể chế minh bạch, pháp luật rõ ràng và sự tham gia của cộng đồng. Thể chế yếu kém làm giảm hiệu quả các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu và gia tăng rủi ro xung đột tài nguyên.

Cuối cùng, SDG 13 không thể tách rời SDG 17 về quan hệ đối tác. Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu, đòi hỏi hợp tác quốc tế trong tài chính, công nghệ và chia sẻ dữ liệu. Các hiệp định khí hậu và cơ chế hỗ trợ quốc tế giúp các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, tăng cường năng lực ứng phó và giảm phát thải.

Mối quan hệ giữa SDG 14 với SDG 1, 2, 3, 6, 8, 10, 12, 13 và 17

SDG 14 hướng tới bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và tài nguyên biển. Đại dương đóng vai trò thiết yếu đối với an ninh lương thực, sinh kế, sức khỏe con người và ổn định khí hậu toàn cầu. Vì vậy, việc thực hiện SDG 14 có tác động lan tỏa đến nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

Trước hết, SDG 14 có mối liên hệ trực tiếp với SDG 1 về xóa nghèo. Hàng triệu người, đặc biệt ở các cộng đồng ven biển, phụ thuộc vào tài nguyên biển để mưu sinh. Khi hệ sinh thái biển bị suy thoái, sinh kế của người dân bị đe dọa, làm gia tăng nghèo đói. Ngược lại, quản lý và khai thác biển bền vững giúp bảo vệ sinh kế lâu dài và hỗ trợ giảm nghèo cho cộng đồng ven biển.

SDG 14 cũng gắn chặt với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Thủy sản là nguồn cung protein quan trọng cho hàng tỷ người. Suy giảm nguồn lợi thủy sản do khai thác quá mức và ô nhiễm biển làm mất an ninh lương thực. Quản lý nghề cá bền vững giúp duy trì nguồn cung thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng cho người dân.

Về sức khỏe, SDG 14 có mối liên hệ rõ rệt với SDG 3. Ô nhiễm biển, đặc biệt là vi nhựa và hóa chất độc hại, ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm và sức khỏe con người. Khi đại dương được bảo vệ, nguy cơ bệnh tật liên quan đến thực phẩm biển ô nhiễm giảm xuống, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

SDG 14 cũng liên hệ với SDG 6 thông qua chất lượng nước. Nước thải sinh hoạt và công nghiệp xả ra biển làm suy giảm chất lượng nước biển và hệ sinh thái ven bờ. Quản lý nước và nước thải hiệu quả trên đất liền giúp giảm ô nhiễm biển và hỗ trợ thực hiện SDG 14.

Trong trụ cột kinh tế, SDG 14 gắn với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Kinh tế biển, bao gồm thủy sản, du lịch biển và vận tải biển, tạo việc làm cho hàng triệu lao động. Khi các ngành này phát triển bền vững, tăng trưởng kinh tế được thúc đẩy mà không làm suy thoái tài nguyên biển.

SDG 14 cũng liên hệ chặt chẽ với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Các cộng đồng ven biển nghèo thường chịu tác động nặng nề nhất từ suy thoái môi trường biển và biến đổi khí hậu. Chính sách bảo vệ biển cần đảm bảo quyền lợi và sự tham gia của các nhóm yếu thế để giảm bất bình đẳng trong tiếp cận tài nguyên và sinh kế.

SDG 14 có mối liên hệ rõ rệt với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Tiêu dùng hải sản không bền vững, rác thải nhựa và ô nhiễm từ sản xuất là nguyên nhân chính làm suy thoái đại dương. Khi mô hình sản xuất và tiêu dùng được điều chỉnh theo hướng bền vững, áp lực lên hệ sinh thái biển giảm đáng kể.

SDG 14 cũng gắn chặt với SDG 13 về ứng phó với biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu gây nước biển dâng, axit hóa đại dương và suy giảm đa dạng sinh học biển. Đồng thời, đại dương đóng vai trò quan trọng trong hấp thụ CO₂ và điều hòa khí hậu. Bảo vệ đại dương vì vậy vừa là biện pháp thích ứng vừa là giải pháp giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Cuối cùng, SDG 14 không thể tách rời SDG 17 về quan hệ đối tác. Quản lý và bảo vệ đại dương đòi hỏi hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, quản lý nguồn lợi chung và kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới. Quan hệ đối tác hiệu quả giúp chia sẻ tri thức, công nghệ và nguồn lực để bảo vệ đại dương bền vững.

Mối quan hệ giữa SDG 15 với SDG 2, 3, 5, 10, 11, 12 và 13

SDG 15 hướng tới bảo vệ, phục hồi và thúc đẩy việc sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý rừng bền vững, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái đất và mất đa dạng sinh học. Hệ sinh thái đất liền là nền tảng của an ninh lương thực, sức khỏe con người và khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu, vì vậy SDG 15 có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều mục tiêu phát triển bền vững khác.

Trước hết, SDG 15 có mối quan hệ trực tiếp với SDG 2 về xóa đói và an ninh lương thực. Đất đai màu mỡ, rừng và đa dạng sinh học là nền tảng cho sản xuất nông nghiệp bền vững. Suy thoái đất và mất rừng làm giảm năng suất cây trồng và đe dọa an ninh lương thực. Ngược lại, nông nghiệp bền vững giúp bảo vệ đất, duy trì đa dạng sinh học và đảm bảo nguồn thực phẩm lâu dài.

SDG 15 cũng gắn chặt với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Hệ sinh thái lành mạnh giúp điều hòa khí hậu, cung cấp không khí sạch và giảm nguy cơ bùng phát dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người. Khi hệ sinh thái bị suy thoái, nguy cơ bệnh tật và rủi ro sức khỏe cộng đồng gia tăng. Ví dụ, mất rừng làm tăng nguy cơ xuất hiện các bệnh truyền nhiễm mới.

Bình đẳng giới, nội dung của SDG 5, có mối liên hệ với SDG 15 thông qua vai trò của phụ nữ trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Ở nhiều cộng đồng nông thôn, phụ nữ tham gia trực tiếp vào sản xuất nông nghiệp và bảo vệ rừng. Trao quyền cho phụ nữ giúp cải thiện quản lý tài nguyên bền vững và nâng cao sinh kế cộng đồng.

SDG 15 cũng liên hệ chặt chẽ với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Các cộng đồng nghèo và dân tộc thiểu số thường phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên để sinh sống và dễ bị tổn thương trước suy thoái môi trường. Khi hệ sinh thái bị phá hủy, những nhóm này chịu tác động nặng nề nhất. Bảo vệ hệ sinh thái vì vậy góp phần giảm bất bình đẳng và bảo vệ sinh kế của nhóm yếu thế.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 15 có mối liên hệ với SDG 11 về thành phố bền vững. Không gian xanh, rừng đô thị và hành lang sinh thái giúp cải thiện chất lượng không khí, điều hòa khí hậu và nâng cao chất lượng sống trong đô thị. Phát triển đô thị thiếu kiểm soát có thể làm suy thoái hệ sinh thái đất liền và gia tăng rủi ro môi trường.

SDG 15 cũng gắn với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Các mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững là nguyên nhân chính dẫn đến phá rừng, suy thoái đất và mất đa dạng sinh học. Khi doanh nghiệp và người tiêu dùng chuyển sang các lựa chọn bền vững, áp lực lên hệ sinh thái đất liền được giảm bớt.

Cuối cùng, SDG 15 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 13 về ứng phó với biến đổi khí hậu. Rừng và hệ sinh thái đất liền đóng vai trò quan trọng trong hấp thụ và lưu trữ carbon, góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Đồng thời, hệ sinh thái khỏe mạnh giúp tăng khả năng chống chịu của cộng đồng trước các tác động của biến đổi khí hậu như lũ lụt và hạn hán.

Mối quan hệ giữa SDG 16 với SDG 3, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 13 và 17

SDG 16 hướng tới thúc đẩy xã hội hòa bình và bao trùm, đảm bảo tiếp cận công lý cho tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, minh bạch và có trách nhiệm giải trình. Thể chế vững mạnh là nền tảng để thực hiện các chính sách phát triển bền vững, do đó SDG 16 có vai trò “xương sống” liên kết các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường.

Trước hết, SDG 16 có mối quan hệ chặt chẽ với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Hệ thống y tế chỉ hoạt động hiệu quả khi được hỗ trợ bởi thể chế minh bạch, quản lý tốt và phân bổ nguồn lực công bằng. Tham nhũng, xung đột và quản trị yếu kém làm hạn chế khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, đặc biệt đối với nhóm yếu thế. Ví dụ, ở những quốc gia có thể chế yếu, ngân sách y tế dễ bị thất thoát, làm suy giảm chất lượng chăm sóc sức khỏe.

SDG 16 cũng liên hệ trực tiếp với SDG 4 về giáo dục chất lượng. Giáo dục công bằng và bao trùm đòi hỏi chính sách nhất quán, môi trường học tập an toàn và hệ thống quản lý giáo dục hiệu quả. Ngược lại, giáo dục giúp nâng cao nhận thức pháp luật, quyền công dân và sự tham gia xã hội, từ đó củng cố nền tảng của thể chế dân chủ và pháp quyền.

Bình đẳng giới, nội dung cốt lõi của SDG 5, có mối liên hệ mật thiết với SDG 16. Thể chế mạnh mẽ cần đảm bảo khung pháp lý bảo vệ quyền phụ nữ, phòng chống bạo lực giới và xóa bỏ phân biệt đối xử. Khi phụ nữ được bảo vệ và tham gia vào quá trình ra quyết định, quản trị trở nên minh bạch và hiệu quả hơn.

SDG 16 cũng gắn với SDG 7 thông qua quản trị tài nguyên và hạ tầng năng lượng. Phát triển năng lượng bền vững đòi hỏi khung pháp lý rõ ràng, minh bạch và cơ chế giám sát hiệu quả

để tránh xung đột lợi ích và đảm bảo phân bổ công bằng nguồn lực năng lượng. Thể chế yếu có thể dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận năng lượng.

Trong trụ cột kinh tế, SDG 16 có mối quan hệ chặt chẽ với SDG 8 về tăng trưởng kinh tế và việc làm. Môi trường kinh doanh ổn định, pháp luật rõ ràng và thực thi hiệu quả giúp thu hút đầu tư, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Ngược lại, xung đột và tham nhũng làm suy giảm niềm tin thị trường và cản trở phát triển kinh tế.

SDG 16 cũng liên hệ mật thiết với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Thể chế công bằng giúp đảm bảo mọi nhóm xã hội đều được tiếp cận công lý, dịch vụ công và cơ hội phát triển. Khi pháp luật không được thực thi công bằng, bất bình đẳng có xu hướng gia tăng và làm suy yếu sự gắn kết xã hội.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 16 gắn với SDG 11 về thành phố bền vững. Quản trị đô thị hiệu quả giúp đảm bảo an toàn, trật tự, tiếp cận dịch vụ công và sự tham gia của người dân trong quy hoạch đô thị. Thể chế đô thị yếu có thể dẫn đến bất ổn xã hội và suy giảm chất lượng sống.

SDG 16 cũng có mối liên hệ với SDG 13 về ứng phó với biến đổi khí hậu. Chính sách khí hậu hiệu quả đòi hỏi thể chế mạnh để xây dựng, thực thi và giám sát các cam kết giảm phát thải và thích ứng khí hậu. Thể chế yếu kém làm giảm hiệu quả của các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu và gia tăng rủi ro xung đột tài nguyên.

Cuối cùng, SDG 16 không thể tách rời SDG 17 về quan hệ đối tác. Hợp tác quốc tế hiệu quả đòi hỏi sự tin cậy, minh bạch và năng lực thể chế vững mạnh. Thể chế tốt giúp các quốc gia thực hiện cam kết quốc tế, huy động nguồn lực và phối hợp hành động vì phát triển bền vững.

Mối quan hệ giữa SDG 17 với SDG 3, 10, 11, 12 và 16

SDG 17 nhấn mạnh vai trò của quan hệ đối tác toàn cầu trong việc huy động nguồn lực, chia sẻ tri thức, chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực để thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Đây là mục tiêu mang tính “kết nối”, giúp các SDGs khác được triển khai hiệu quả và đồng bộ hơn.

Trước hết, SDG 17 có mối liên hệ chặt chẽ với SDG 3 về sức khỏe và phúc lợi. Việc nâng cao chất lượng hệ thống y tế, phòng chống dịch bệnh và tiếp cận thuốc men phụ thuộc lớn vào hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, tài trợ và chia sẻ công nghệ y tế. Ví dụ, hợp tác toàn cầu trong phát triển và phân phối vắc-xin giúp các quốc gia, đặc biệt là nước đang phát triển, cải thiện khả năng bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

SDG 17 cũng gắn bó với SDG 10 về giảm bất bình đẳng. Quan hệ đối tác quốc tế giúp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thông qua hỗ trợ tài chính, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực. Khi các nước kém phát triển được hỗ trợ hiệu quả, bất bình đẳng toàn cầu và trong từng quốc gia có thể được giảm bớt.

Trong bối cảnh đô thị hóa, SDG 17 có mối liên hệ với SDG 11 về thành phố bền vững. Phát triển đô thị bền vững đòi hỏi sự hợp tác giữa chính quyền, khu vực tư nhân, tổ chức xã hội và các đối tác quốc tế. Việc chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và mô hình quản lý đô thị thông minh giúp các thành phố nâng cao khả năng chống chịu và chất lượng sống.

SDG 17 cũng liên hệ chặt chẽ với SDG 12 về tiêu dùng và sản xuất bền vững. Chuyển đổi sang mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững cần sự phối hợp giữa các quốc gia, doanh

ngiệp và tổ chức quốc tế để xây dựng tiêu chuẩn chung, chuỗi cung ứng bền vững và chia sẻ công nghệ sạch. Quan hệ đối tác giúp lan tỏa các thực hành bền vững trên quy mô toàn cầu.

Cuối cùng, SDG 17 có mối liên hệ nền tảng với SDG 16 về thể chế mạnh mẽ và quản trị tốt. Quan hệ đối tác hiệu quả chỉ có thể được xây dựng trên nền tảng thể chế minh bạch, trách nhiệm giải trình và niềm tin giữa các bên. Ngược lại, hợp tác quốc tế giúp tăng cường năng lực thể chế, cải thiện quản trị và hỗ trợ thực thi các chính sách phát triển bền vững.